

Trên đây là giải trình của Công ty về Báo cáo tài chính tổng hợp bán niên 2024 đã được soát xét.

Trân trọng kính chào.

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG ANH GIA LAI



TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN XUÂN THẮNG

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT-KH&ĐT



Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024



Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024



Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

NỘI DUNG

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	11 - 50

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 3903000083, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 1 tháng 6 năm 2006 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Quyết định số 124/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 15 tháng 12 năm 2008 với mã giao dịch "HAG".

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty có bảy (7) công ty con trực tiếp, sáu (6) công ty con gián tiếp, một (1) công ty liên kết và bốn (4) chi nhánh.

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty là quản lý các khoản đầu tư; kinh doanh vật tư và máy móc thiết bị ngành trồng trọt và chăn nuôi; dịch vụ nông nghiệp; và cơ khí.

Công ty có trụ sở chính tọa lạc tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty cũng có các chi nhánh hạch toán phụ thuộc tọa lạc tại Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT") trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch	
Ông Võ Trường Sơn	Thành viên	
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên	
Ông Bùi Lê Quang	Thành viên	bổ nhiệm ngày 10 tháng 5 năm 2024
Ông Nguyễn Chí Thắng	Thành viên	miễn nhiệm ngày 10 tháng 5 năm 2024
Ông Trần Văn Dai	Thành viên độc lập	

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban Kiểm soát ("BKS") trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	
Bà Đỗ Trần Thùy Trang	Trưởng ban	
Ông Nguyễn Tiến Hưng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 10 tháng 5 năm 2024
Ông Lê Hồng Phong	Thành viên	miễn nhiệm ngày 10 tháng 5 năm 2024
Ông Phạm Ngọc Châu	Thành viên	

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 7 tháng 2 năm 2024
Ông Võ Trường Sơn	Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 7 tháng 2 năm 2024
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Người đại diện theo pháp luật	từ ngày 15 tháng 2 năm 2024
Ông Võ Trường Sơn	Người đại diện theo pháp luật	đến ngày 14 tháng 2 năm 2024

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 đề ngày 29 tháng 8 năm 2024 ("báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ").

Người sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cần đọc báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã đề cập trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.



Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

Số tham chiếu: 11576751/67730031-LR-R

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") được lập vào ngày 29 tháng 8 năm 2024 và được trình bày từ trang 6 đến trang 50, bao gồm bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính tổng hợp giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến *Thuyết minh số 2.6* của báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, Công ty đã phát sinh khoản lỗ thuần 122.817.985 ngàn VND cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024. Cũng tại ngày này, khoản lỗ lũy kế của Công ty là 3.243.437.456 ngàn VND, và nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 2.555.732.721 ngàn VND. Các điều kiện này cùng với những vấn đề khác được nêu trong *Thuyết minh số 2.6* cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Kết luận của chúng tôi về công tác soát xét báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Thị Thu Trang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1588-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2024


Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.745.475.764	4.344.447.093
110	I. Tiền	4	103.261.278	7.946.716
111	1. Tiền		103.261.278	7.946.716
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		2.637.598.528	4.331.193.764
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	22.302.796	394.070.980
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	315.434.144	314.533.541
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	1.687.236.757	2.321.446.514
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	1.540.108.888	2.228.139.139
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5, 6, 7, 8	(927.484.057)	(926.996.410)
140	III. Hàng tồn kho	9	1.059.043	1.691.169
141	1. Hàng tồn kho		3.400.618	4.032.744
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(2.341.575)	(2.341.575)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		3.556.915	3.615.444
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		8.077	9.206
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		421.259	478.659
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		3.127.579	3.127.579
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		13.047.735.272	10.960.658.114
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		1.366.881.407	5.088.192
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	949.556.333	5.000.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	417.325.074	88.192
220	II. Tài sản cố định		122.237.458	124.538.151
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	96.959.279	99.259.972
222	Nguyên giá		212.591.243	212.532.943
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(115.631.964)	(113.272.971)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	25.278.179	25.278.179
228	Nguyên giá		40.095.952	40.095.952
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(14.817.773)	(14.817.773)
230	III. Bất động sản đầu tư	12	35.241.992	36.187.721
231	1. Nguyên giá		47.003.809	47.003.809
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(11.761.817)	(10.816.088)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		15.844.786	15.830.714
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		15.844.786	15.830.714
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	13	11.506.661.779	10.778.343.222
251	1. Đầu tư vào công ty con		11.891.977.939	11.114.808.169
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		5.000.000	5.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		916.380.007	1.048.791.081
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(1.306.696.167)	(1.390.256.028)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		867.850	670.114
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	867.850	670.114
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		15.793.211.036	15.305.105.207

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2024

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		8.462.655.662	9.150.195.848
310	I. Nợ ngắn hạn		5.301.208.485	5.606.805.714
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	55.166.978	65.908.241
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	10.610.972	10.422.524
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	1.919.829	45.234.678
314	4. Phải trả người lao động		6.024.250	6.495.862
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	3.475.001.457	3.261.233.031
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	422.193.142	468.472.891
320	7. Vay ngắn hạn	20	1.330.188.347	1.748.934.977
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		103.510	103.510
330	II. Nợ dài hạn		3.161.447.177	3.543.390.134
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	18	245.118.389	326.824.519
337	2. Phải trả dài hạn khác	19	7.666.626	7.666.626
338	3. Vay dài hạn	20	2.898.699.618	3.199.130.581
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	27.2	4.597.710	4.403.574
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn		5.364.834	5.364.834
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		7.330.555.374	6.154.909.359
410	I. Vốn chủ sở hữu	21.1	7.330.555.374	6.154.909.359
411	1. Vốn cổ phần		10.574.679.470	9.274.679.470
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		10.574.679.470	9.274.679.470
415	2. Cổ phiếu quỹ		(686.640)	(686.640)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		-	279.895.303
421	4. Lỗ lũy kế		(3.243.437.456)	(3.398.978.774)
421a	- Lỗ lũy kế đến cuối kỳ trước		(3.120.619.471)	(3.540.018.551)
421b	- (Lỗ) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		(122.817.985)	141.039.777
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		15.793.211.036	15.305.105.207


Phạm Thị Thu Hà
Người lập


Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng




Nguyễn Xuân Thắng
Tổng Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam


Ngày 29 tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	3.445.787	23.217.432
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23	(1.701.794)	(19.616.974)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.743.993	3.600.458
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	90.647.075	252.482.561
22	5. Chi phí tài chính	24	(177.983.718)	(313.493.388)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(191.689.505)	(293.628.738)
25	6. Chi phí bán hàng	25	(1.738.120)	(1.951.258)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(34.392.116)	(36.179.728)
30	8. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh		(121.722.886)	(95.541.355)
31	9. Thu nhập khác	26	231.848	9.516
32	10. Chi phí khác	26	(1.132.811)	(5.759.276)
40	11. Lỗ khác	26	(900.963)	(5.749.760)
50	12. Tổng lỗ kế toán trước thuế		(122.623.849)	(101.291.115)
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	-	(570.339)
52	14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	27.2	(194.136)	(53.165)
60	15. Lỗ sau thuế TNDN		(122.817.985)	(101.914.619)


Phạm Thị Thu Hà
Người lập


Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng


Nguyễn Xuân Thăng
Tổng Giám đốc



Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024


Ngàn VND

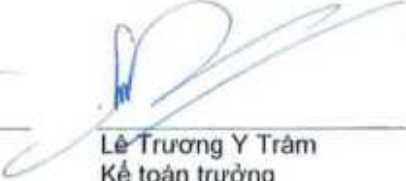
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Lỗ kế toán trước thuế		(122.623.849)	(101.291.115)
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định ("TSCĐ") và bất động sản đầu tư	10, 11, 12	3.304.722	4.635.617
03	Các khoản (hoàn nhập dự phòng) dự phòng		(13.218.140)	24.846.654
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(22.615.600)	(504.216)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(68.031.475)	(249.101.493)
06	Chi phí lãi vay	24	191.689.505	293.628.738
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(31.494.837)	(27.785.815)
09	Tăng các khoản phải thu		(70.817.637)	(134.385.172)
10	Giảm hàng tồn kho		632.127	4.321.408
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(42.903.160)	103.902.821
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(196.607)	2.242.040
14	Tiền lãi vay và lãi hợp đồng hợp tác kinh doanh ("HĐHTKD") đã trả		(55.443.666)	(29.599.717)
15	Thuế TNDN đã nộp	27.1	(27.976.398)	(549.614)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.408.000)	(202.434)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(229.608.178)	(82.056.483)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ		(72.372)	(59.900)
22	Tiền thu do thanh lý TSCĐ		-	26.638.587
23	Tiền chi cho vay		(944.556.333)	(31.720.000)
24	Tiền thu hồi cho vay		33.348.927	66.596.937
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		434.414.952	-
27	Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi		224.787.566	136.615
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư		(252.077.260)	61.592.239

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Ngân VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	21.1	1.300.000.000	-
34	Tiền trả nợ gốc vay	20	(723.000.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		577.000.000	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		95.314.562	(20.464.244)
60	Tiền đầu kỳ		7.946.716	30.395.139
70	Tiền cuối kỳ	4	103.261.278	9.930.895


Phạm Thị Thu Hà
Người lập


Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng


Nguyễn Xuân Thắng
Tổng Giám đốc



Tính Gia Lai, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 3903000083, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 1 tháng 6 năm 2006 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Quyết định số 124/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 15 tháng 12 năm 2008 với mã giao dịch "HAG".

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty có bảy (7) công ty con trực tiếp, sáu (6) công ty con gián tiếp, một (1) công ty liên kết và bốn (4) chi nhánh với chi tiết như sau:

Tên công ty	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)
Lĩnh vực nông nghiệp				
(1) Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	98,78	98,78
(2) Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Champasak, Lào	Đang hoạt động	100,00	98,78
(3) Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	100,00	98,78
(4) Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	85,00	85,00
(5) Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	100,00	90,45
(6) Công ty Cổ phần Lê Me	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	100,00	87,74
(7) Công ty TNHH Sản xuất Bột mì	Stung Treng, Campuchia	Đang hoạt động	100,00	87,74
(8) Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao Bolaven	Champasak, Lào	Đang hoạt động	100,00	98,78
(9) Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Hoàn Thịnh Attapeu	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	100,00	97,49
(10) Công ty Cổ phần Chế biến thức ăn gia súc Trà Bá	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	100,00	97,49
(11) Công ty Cổ phần Nông nghiệp Kon Thụp	Gia Lai, Việt Nam	Trước hoạt động (i)	88,03	88,03
Lĩnh vực xây dựng, kinh doanh và dịch vụ				
(12) Công ty Cổ phần Thể thao LPBank Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	100,00	97,50
(13) Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Viêng Chăn, Lào	Trước hoạt động (i)	100,00	100,00

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty có bảy (7) công ty con trực tiếp, sáu (6) công ty con gián tiếp, một (1) công ty liên kết và bốn (4) chi nhánh với chi tiết như sau: (tiếp theo)

Tên công ty	Trụ sở	Tình trạng	Tỷ lệ	Tỷ lệ
		hoạt động	biểu quyết (%)	sở hữu (%)
Công ty liên kết				
(1) Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông	Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đang hoạt động	25,00	25,00
Các chi nhánh hạch toán phụ thuộc:				
Dịch vụ hàng hóa - xây dựng				
(1) Chi nhánh Nguyên vật liệu - Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-	-
(2) Chi nhánh Cơ khí - Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-	-
(3) Chi nhánh Chế biến Hoa quả - Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-	-
Quản lý bất động sản và khách sạn				
(4) Khách sạn Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-	-

(i) Tình trạng trước hoạt động là tình trạng công ty con đang trong giai đoạn đầu tư và chưa bắt đầu hoạt động kinh doanh chính vào ngày 30 tháng 6 năm 2024.

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty là quản lý các khoản đầu tư; kinh doanh vật tư và máy móc thiết bị ngành trồng trọt và chăn nuôi; dịch vụ nông nghiệp; cơ khí.

Công ty có trụ sở chính tọa lạc tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty cũng có các chi nhánh hạch toán phụ thuộc tọa lạc tại Tỉnh Gia Lai.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 138 (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 247).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Công ty có các công ty con như được trình bày trong Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 13.1 của báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 ("báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ") để ngày 29 tháng 8 năm 2024.

Người sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cần đọc báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã đề cập trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty (bao gồm báo cáo của Hội sở và các chi nhánh hạch toán phụ thuộc) được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính tổng hợp bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND").

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.6 *Giá định hoạt động liên tục*

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty đã phát sinh khoản lỗ thuần 122.817.985 ngàn VND cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024. Cũng tại ngày này, khoản lỗ lũy kế của Công ty là 3.243.437.456 ngàn VND, và nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 2.555.732.721 ngàn VND. Ngoài ra, tại ngày này, Công ty cũng đang vi phạm một số cam kết đối với hợp đồng trái phiếu và đang chưa thanh toán khoản lãi trái phiếu đến hạn thanh toán như được trình bày tại Thuyết minh số 20 của báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Công ty đã lập kế hoạch cho 12 tháng tiếp theo bao gồm dòng tiền dự kiến sẽ được tạo ra từ việc thanh lý một phần các khoản đầu tư tài chính, thanh lý tài sản, thu hồi các khoản cho vay từ các đối tác, tiền đi vay các ngân hàng thương mại và dòng tiền tạo ra từ các dự án đang triển khai. Công ty cũng đang trong quá trình làm việc với các bên cho vay về việc điều chỉnh các điều khoản đã bị vi phạm của các hợp đồng vay có liên quan. Theo đó, Công ty có thể hoàn trả các khoản nợ đến hạn và tiếp tục hoạt động trong 12 tháng tiếp theo. Dựa trên cơ sở này, Ban Tổng Giám đốc Công ty lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

Theo đó, báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể cần được thực hiện nếu báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở hoạt động không liên tục.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền*

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dư phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và hàng hóa - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - Giá gốc thành phẩm áp dụng theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa và các loại hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45"). Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc thiết bị	5 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Vườn cây lâu năm	10 năm
Phần mềm máy vi tính	8 năm
Tài sản khác	6 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định thì không trích hao mòn.

3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	23 - 30 năm
Quyền sử dụng đất	36 - 43 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí lũy kế liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các công trình nhà xưởng của Công ty mà các công trình này chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

3.9 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu; liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán vào chi phí hoạt động phát sinh trong kỳ.

3.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ:

- ▶ Tiền thuê đất trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê;
- ▶ Công cụ, dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn; và
- ▶ Các khoản chi phí trả trước khác.

3.12 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty con

Khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm thường xuyên từ đủ 12 tháng trở lên tại Công ty. Mức trích lập được tính bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc theo Luật lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 46 của Bộ luật Lao động.

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.19 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải ghi giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Tiền mặt	857.772	779.757
Tiền gửi ngân hàng	102.403.506	7.166.959
TỔNG CỘNG	103.261.278	7.946.716

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<i>Ngân VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Phải thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.921.599	22.705.081
Phải thu tiền bán căn hộ	969.784	1.148.510
Phải thu tiền thanh lý tài sản cố định	411.413	411.413
Phải thu tiền thanh lý khoản đầu tư	-	369.805.976
TỔNG CỘNG	22.302.796	394.070.980
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh ("TM") số 28)</i>	<i>11.862.666</i>	<i>14.864.451</i>
<i>Phải thu các bên thứ ba</i>	<i>10.440.130</i>	<i>379.206.529</i>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khách hàng khó đòi	<u>(15.281.730)</u>	<u>(12.537.759)</u>
GIÁ TRỊ THUẬN	<u>7.021.066</u>	<u>381.533.221</u>

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng phải thu ngắn hạn khách hàng khó đòi như sau:

	<i>Ngân VND</i>	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Số đầu kỳ	12.537.759	16.204.381
<i>Cộng: Dự phòng lập trong kỳ</i>	<i>2.937.424</i>	<i>759.896</i>
<i>Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ</i>	<i>(193.453)</i>	<i>-</i>
Số cuối kỳ	<u>15.281.730</u>	<u>16.964.277</u>

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<i>Ngân VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	315.434.144	314.533.541
<i>Trong đó:</i>		
<i>Trả trước cho bên liên quan (TM số 28)</i>	<i>311.322.158</i>	<i>311.517.697</i>
<i>Trả trước cho các bên thứ ba</i>	<i>4.111.986</i>	<i>3.015.844</i>
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi	<u>(643.551)</u>	<u>(298.180)</u>
GIÁ TRỊ THUẬN	<u>314.790.593</u>	<u>314.235.361</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi như sau:

	Ngân VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Số đầu kỳ	298.180	284.297
Cộng: Dự phòng lập trong kỳ	345.371	13.883
Số cuối kỳ	<u>643.551</u>	<u>298.180</u>

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Ngân VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Ngắn hạn		
Cho vay ngắn hạn các bên liên quan (TM số 28) (i)	1.630.591.664	2.267.870.587
Cho vay ngắn hạn các bên thứ ba	56.645.093	53.575.927
	<u>1.687.236.757</u>	<u>2.321.446.514</u>
Dài hạn		
Cho vay dài hạn các bên liên quan (TM số 28) (i)	949.556.333	5.000.000
TỔNG CỘNG	2.636.793.090	2.326.446.514
Dự phòng phải thu về cho vay khó đòi	(62.107.063)	(61.359.348)
GIÁ TRỊ THUẬN	<u>2.574.686.027</u>	<u>2.265.087.166</u>

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng phải thu về cho vay khó đòi như sau:

	Ngân VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Số đầu kỳ	61.359.348	67.371.929
Cộng: Dự phòng lập trong kỳ	855.908	18.721
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(108.193)	-
Số cuối kỳ	<u>62.107.063</u>	<u>67.390.650</u>
Trong đó:		
Ngắn hạn	62.107.063	49.845.666
Dài hạn	-	17.544.984

(i) Đây là các khoản cho vay tín chấp cho các bên liên quan, có thời hạn hoàn trả từ năm 2024 đến năm 2029 và hưởng lãi suất 7,95%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU KHÁC

	Ngân VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Ngắn hạn		
Chi trả hộ	1.403.059.493	1.656.776.869
Phải thu lãi cho vay	128.877.839	561.927.329
Tạm ứng cho nhân viên	3.995.230	2.831.040
Phải thu khác	4.176.326	6.603.901
	<u>1.540.108.888</u>	<u>2.228.139.139</u>
Dài hạn		
Hợp đồng Hợp tác kinh doanh ("HTKD") (*)	403.425.000	-
Phải thu lãi cho vay	13.900.074	88.192
	<u>417.325.074</u>	<u>88.192</u>
TỔNG CỘNG	1.957.433.962	2.228.227.331
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu ngắn hạn các bên liên quan (TM số 28)</i>	1.531.912.557	2.215.058.381
<i>Phải thu dài hạn các bên liên quan (TM số 28)</i>	13.900.074	88.192
<i>Phải thu các bên thứ ba</i>	411.621.331	13.080.758
Dự phòng phải thu khác khó đòi	<u>(849.451.713)</u>	<u>(852.801.123)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	1.107.982.249	1.375.426.208

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng phải thu khác khó đòi như sau:

	Ngân VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Số đầu kỳ	852.801.123	890.159.464
Cộng: Dự phòng lập trong kỳ	925.429	4.301.597
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	<u>(4.274.839)</u>	<u>(8.301)</u>
Số cuối kỳ	<u>849.451.713</u>	<u>894.452.760</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Ngắn hạn</i>	849.451.713	893.938.080
<i>Dài hạn</i>	-	514.680

(*) Hợp đồng HTKD số 01/2024/HTKD/HAG-MY ngày 24 tháng 4 năm 2024 với Công ty TNHH Nông nghiệp Mang Yang với tổng mức vốn đầu tư dự kiến là 453.425.000 ngàn VND, được cam kết với mục đích hợp tác trong dự án trồng, chăm sóc, sản xuất kinh doanh các loại cây ăn trái của Công ty TNHH Nông nghiệp Mang Yang tại tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Các bên sẽ tiến hành HTKD từ ngày 24 tháng 4 năm 2024 đến ngày 24 tháng 4 năm 2027. Hợp đồng HTKD không yêu cầu thành lập pháp nhân mới và lợi nhuận sẽ được phân chia dựa vào kết quả kinh doanh theo tỷ lệ góp vốn đầu tư thực tế vào công ty đối tác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. HÀNG TỒN KHO

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Nguyên vật liệu	2.203.226	2.201.291
Hàng hóa	982.376	982.376
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	156.681	790.742
Thành phẩm	58.335	58.335
TỔNG CỘNG	3.400.618	4.032.744
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.341.575)	(2.341.575)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.059.043	1.691.169

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng hàng tồn kho như sau:

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Số đầu kỳ và cuối kỳ	2.341.575	2.341.575

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Vườn cây lâu năm	Tài sản khác	Tổng cộng
							Ngân VND
Nguyên giá							
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	153.662.078	16.630.300	31.650.519	3.792.546	6.689.440	108.060	212.532.943
Mua mới trong kỳ	-	58.300	-	-	-	-	58.300
Ngày 30 tháng 6 năm 2024	153.662.078	16.688.600	31.650.519	3.792.546	6.689.440	108.060	212.591.243
Trong đó:							
Đã khấu hao lũy kế	15.103.413	15.476.940	19.573.604	2.745.695	6.689.440	108.060	59.697.152
Giá trị khấu hao lũy kế							
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	(57.704.780)	(16.299.435)	(29.096.054)	(3.375.202)	(6.689.440)	(108.060)	(113.272.971)
Khấu hao trong kỳ	(1.612.560)	(63.160)	(577.350)	(105.923)	-	-	(2.358.993)
Ngày 30 tháng 6 năm 2024	(59.317.340)	(16.362.595)	(29.673.404)	(3.481.125)	(6.689.440)	(108.060)	(115.631.964)
Giá trị còn lại							
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	95.957.298	330.865	2.554.465	417.344	-	-	99.259.972
Ngày 30 tháng 6 năm 2024	94.344.738	326.005	1.977.115	311.421	-	-	96.959.279
Trong đó:							
Thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (TM số 20)	93.653.577	-	1.977.115	-	-	-	95.630.692

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Ngàn VND Tổng cộng
Nguyên giá			
Ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 30 tháng 6 năm 2024	25.278.179	14.817.773	40.095.952
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	-	14.817.773	14.817.773
Giá trị hao mòn lũy kế			
Ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 30 tháng 6 năm 2024	-	(14.817.773)	(14.817.773)
Giá trị còn lại			
Ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 30 tháng 6 năm 2024	25.278.179	-	25.278.179
<i>Trong đó:</i>			
<i>Thế chấp để đảm bảo các khoản vay của Công ty (TM số 20)</i>	25.278.179	-	25.278.179

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Ngàn VND Nhà cửa, vật kiến trúc
Nguyên giá	
Ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 30 tháng 6 năm 2024	47.003.809
Giá trị khấu hao và hao mòn lũy kế	
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	(10.816.088)
Khấu hao trong kỳ	(945.729)
Ngày 30 tháng 6 năm 2024	(11.761.817)
Giá trị còn lại	
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	36.187.721
Ngày 30 tháng 6 năm 2024	35.241.992
<i>Trong đó:</i>	
<i>Thế chấp để đảm bảo các khoản vay của Công ty (TM số 20)</i>	35.241.992

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

Thuyết minh bổ sung:

Các khoản doanh thu cho thuê và chi phí hoạt động liên quan đến bất động sản đầu tư được trình bày như sau:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngàn VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	1.758.189	1.543.808
Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của các bất động sản đầu tư tạo thu nhập cho thuê trong kỳ	945.729	945.729

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 30 tháng 6 năm 2024. Tuy nhiên, dựa trên giá trị thị trường của các tài sản, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngàn VND Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Đầu tư vào công ty con (TM số 13.1)	11.891.977.939	11.114.808.169
Đầu tư vào công ty liên kết (TM số 13.2)	5.000.000	5.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (TM số 13.3)	916.380.007	1.048.791.081
TỔNG CỘNG	12.813.357.946	12.168.599.250
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(1.306.696.167)	(1.390.256.028)
GIÁ TRỊ THUẬN	11.506.661.779	10.778.343.222

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.1 Đầu tư vào các công ty con

Chi tiết về các khoản đầu tư như sau:

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh				Ngày 30 tháng 6 năm 2024				Ngày 31 tháng 12 năm 2023			
	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc đầu tư	Dự phòng	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc đầu tư	Dự phòng	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc đầu tư	Dự phòng	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc đầu tư	Dự phòng
Công ty Cổ phần Lê Me ("Lê Me")	87,74	3.450.326.000	-	87,74	3.450.326.000	-	87,74	3.450.326.000	-	-	-	-
Công ty TNHH Hưng Thịnh Lợi Gia Lai	98,78	2.989.291.000	(712.985.121)	98,78	2.989.291.000	(712.985.121)	98,78	2.989.291.000	(712.985.121)	-	-	-
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang ("Lơ Pang")	95,45	2.745.600.000	-	95,45	2.745.600.000	-	95,45	2.745.600.000	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai ("Chăn nuôi Gia Lai") (*)	85,00	2.591.261.613	-	85,00	2.591.261.613	-	88,03	1.814.091.843	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Thể thao LPBank Hoàng Anh Gia Lai	97,50	89.769.616	(89.769.616)	97,50	89.769.616	(89.769.616)	97,50	89.769.616	(89.769.616)	-	-	-
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	100,00	17.778.990	(17.778.990)	100,00	17.778.990	(17.778.990)	100,00	17.778.990	(17.778.990)	-	-	-
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Kon Thup	88,03	7.950.720	(7.950.720)	88,03	7.950.720	(7.950.720)	88,03	7.950.720	(7.950.720)	-	-	-
TỔNG CỘNG		11.891.977.939	(828.484.447)		11.891.977.939	(828.484.447)		11.114.808.169	(828.484.447)			

(*) Trong kỳ, Chăn nuôi Gia Lai đã hoàn tất việc phát hành thêm 95.000.000 cổ phần, theo mệnh giá (10.000 VND/cổ phần) cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu của các cổ đông này tại ngày phát hành. Theo đó, Công ty chỉ đăng ký mua thêm 77.716.977 cổ phần trên tổng số 83.631.372 cổ phần mà Công ty được phép mua thêm trong đợt phát hành mới từ Chăn nuôi Gia Lai, và chuyển quyền mua các cổ phần còn lại cho các cổ đông hiện hữu khác trong Chăn nuôi Gia Lai. Việc góp thêm vốn vào Chăn nuôi Gia Lai được thực hiện bằng cách chuyển đổi các khoản phải thu về cho vay và lãi cho vay với giá trị là 777.169.770 ngàn VND từ Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai thành khoản đầu tư góp vốn. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai giảm từ 88,03% thành 85,00%.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh		Ngày 30 tháng 6 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
	Tỷ lệ sở hữu %	Giá gốc đầu tư Ngân VND	Dự phòng Ngân VND	Tỷ lệ sở hữu %	Giá gốc đầu tư Ngân VND	Dự phòng Ngân VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng A Đông	25,00	5.000.000	(5.000.000)	25,00	5.000.000	(5.000.000)
TỔNG CỘNG		5.000.000	(5.000.000)		5.000.000	(5.000.000)

13.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh		Ngày 30 tháng 6 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc đầu tư Ngân VND	Dự phòng Ngân VND	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc đầu tư Ngân VND	Dự phòng Ngân VND
Công ty cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("HNG") (*) (i)	8,24	909.019.966	(465.851.679)	9,44	1.041.431.040	(549.411.540)
Công ty Cổ phần Truyền thông Thanh Niên	2,00	6.200.000	(6.200.000)	2,00	6.200.000	(6.200.000)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Hàng không Viễn Đông	-	1.160.041	(1.160.041)	-	1.160.041	(1.160.041)
TỔNG CỘNG		916.380.007	(473.211.720)		1.048.791.081	(556.771.581)

(*) Một phần cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (TM số 20).

(i) Trong kỳ, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng 13.310.000 cổ phiếu HNG cho các nhà đầu tư khác, với tổng giá trị chuyển nhượng là 64.686.600 ngàn VND và ghi nhận khoản lãi từ việc thanh lý là 2.051.976 ngàn VND (TM số 22.2). Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong HNG giảm từ 9,44% xuống còn 8,24%.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Công cụ, dụng cụ	164.427	108.849
Chi phí trả trước khác	703.423	561.265
TỔNG CỘNG	867.850	670.114

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Phải trả người bán hàng hóa và dịch vụ	55.040.978	65.761.281
Phải trả người bán máy móc và thiết bị	126.000	146.960
TỔNG CỘNG	55.166.978	65.908.241
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả cho các bên liên quan (TM số 28)</i>	28.629.304	36.779.081
<i>Phải trả cho các bên thứ ba</i>	26.537.674	29.129.160

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Nhận ứng trước của khách hàng thương mại	10.610.972	10.422.524
<i>Trong đó:</i>		
<i>Ứng trước từ các bên liên quan (TM số 28)</i>	9.046.018	8.640.087
<i>Ứng trước từ các bên thứ ba</i>	1.564.954	1.782.437

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngàn VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2024
Thuế thu nhập cá nhân	138.087	1.859.156	(1.005.653)	991.590
Thuế giá trị gia tăng	17.034.238	564.217	(16.756.171)	842.284
Thuế thu nhập doanh nghiệp (TM số 27.1)	28.062.353	-	(27.976.398)	85.955
Khác	-	1.000	(1.000)	-
TỔNG CỘNG	45.234.678	2.424.373	(45.739.222)	1.919.829

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Ngắn hạn		
Chi phí lãi vay	3.441.170.312	3.227.040.751
Chi phí phát hành trái phiếu	15.908.109	15.908.108
Chi phí hoạt động	10.798.635	11.361.155
Chi phí lãi HĐHTKD	2.427.180	2.427.180
Khác	4.697.221	4.495.837
	<u>3.475.001.457</u>	<u>3.261.233.031</u>
Dài hạn		
Chi phí lãi vay	<u>245.118.389</u>	<u>326.824.519</u>
TỔNG CỘNG	<u>3.720.119.846</u>	<u>3.588.057.550</u>

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Ngắn hạn		
Phải trả tiền mượn từ các cá nhân và các công ty (i)	378.400.100	409.959.046
Phải trả do thu hộ	32.196.500	37.681.664
Khác	11.596.542	20.832.181
	<u>422.193.142</u>	<u>468.472.891</u>
Dài hạn		
Phải trả tiền mượn từ các cá nhân và các công ty (i)	<u>7.666.626</u>	<u>7.666.626</u>
TỔNG CỘNG	<u>429.859.768</u>	<u>476.139.517</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả ngắn hạn các bên liên quan (TM số 28)</i>	342.537.865	356.441.905
<i>Phải trả các bên thứ ba</i>	87.321.903	119.697.612

(i) Khoản này thể hiện các khoản vay không lãi suất và không yêu cầu tài sản đảm bảo từ các cá nhân, các công ty khác và các bên liên quan của Công ty nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VAY

	<i>Ngân VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Vay ngắn hạn		
Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	<u>1.330.188.347</u>	<u>1.748.934.977</u>
Vay dài hạn		
Trái phiếu thường dài hạn	<u>2.898.699.618</u>	<u>3.199.130.581</u>
TỔNG CỘNG	<u>4.228.887.965</u>	<u>4.948.065.558</u>

Chi tiết tình hình tăng (giảm) các khoản vay trong kỳ như sau:

	<i>Ngân VND</i>		
	<i>Ngắn hạn</i>	<i>Dài hạn</i>	<i>Tổng cộng</i>
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	1.748.934.977	3.199.130.581	4.948.065.558
Tiền chi trả gốc trái phiếu trong kỳ	(423.000.000)	(300.000.000)	(723.000.000)
Phân loại lại chi phí phát hành trái phiếu	2.813.769	(2.813.769)	-
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	<u>1.439.601</u>	<u>2.382.806</u>	<u>3.822.407</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2024	<u>1.330.188.347</u>	<u>2.898.699.618</u>	<u>4.228.887.965</u>

Trái phiếu thường dài hạn

	<i>Ngân VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Tổ chức thu xếp phát hành		
BIDV và Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BSC")	4.248.000.000	4.671.000.000
Công ty TNHH Chứng khoán ACB ("ACBS")	-	300.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu	<u>(19.112.035)</u>	<u>(22.934.442)</u>
TỔNG CỘNG	<u>4.228.887.965</u>	<u>4.948.065.558</u>
Trong đó:		
Trái phiếu dài hạn	2.898.699.618	3.199.130.581
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả	<u>1.330.188.347</u>	<u>1.748.934.977</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

Trái phiếu thường dài hạn (tiếp theo)

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Số tiền (Ngàn VND)	Lãi suất (%/năm)	Ngày đáo hạn cuối cùng	Mục đích	Tài sản thế chấp (TM số 10, 11, 12, 13 và 21.2)
BIDV và BSC	BIDV (*)	4.248.000.000		Ngày 30 tháng 12 năm 2026	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư và tài cấu trúc nợ vay của Tập đoàn	Diện tích 4.852,74 ha cao su và Quyển thuê phát sinh theo Hợp đồng thuê đất, toàn bộ tài sản là đồng sản, bất động sản gắn liền với đất tại Tỉnh Attapeu và Tỉnh Sê Kông (Lào) do Công ty TNHH CN&NN Cao su Hoàng Anh – Quang Minh làm chủ sở hữu; Diện tích 9.996,9 ha cao su và Quyển thuê phát sinh theo Hợp đồng thuê đất, toàn bộ tài sản là đồng sản, bất động sản gắn liền với đất do Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu làm chủ sở hữu; Quyền sử dụng và khai thác rừng trồng 4.733 ha cao su và 3.155 ha cọ dầu tại Tỉnh Attapeu (Lào) của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu; 44.926.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Ông Đoàn Nguyên Đức; Quyền sở hữu, khai thác rừng trồng 1.960,91 ha cao su tại Tỉnh Ratanakiri (Campuchia) của Công ty TNHH MTV Heng Brothers; Quyền sở hữu, khai thác rừng trồng 3.281,70 ha cao su tại Tỉnh Ratanakiri (Campuchia) của Công ty TNHH MTV CRD; Trụ sở văn phòng làm việc Hoàng Anh Gia Lai thuộc sở hữu của Công ty; Khu liên hợp Học viện bóng đá Hoàng Anh Gia Lai thuộc sở hữu của Công ty; 7 xe ô tô thuộc sở hữu của Công ty; 16,5 ha chuỗi trên đất thuộc Học viện bóng đá Hoàng Anh Gia Lai thuộc sở hữu của Công ty; 2 tầng khu thương mại thuộc Tổ hợp khu chung cư – Thương mại cao cấp Bàu Thạc Gián, Đa Năng thuộc sở hữu của Công ty; 76.375.000 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty; 335 ha chuỗi tại Attapeu, Lào thuộc sở hữu của Khán Xay; 2.789,7216 ha tại Stung Treng, Campuchia thuộc Công ty TNHH Sản xuất Bột mì; Nhà máy gỗ nội thất (tại Chư Prong, Gia Lai) thuộc Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai; Máy móc thiết bị thuộc Công ty TNHH Hưng Thịnh Lợi Gia Lai; 141,5988 ha tại Stung Treng, Campuchia thuộc sở hữu của Công ty TNHH Sản xuất Bột mì; 6.851 con heo giống của Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pàng; 9.093 con heo giống của Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai.

(*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và vào ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, diện tích trồng cao su và cọ dầu thực tế đang thấp hơn phần diện tích đề cập trong phần Mục đích ngân của Hợp đồng Tín dụng, các cam kết lần lượt là 4.852,74 ha cao su và 7.102 ha cọ dầu. Cũng tại ngày này, Công ty chưa tiến hành thanh toán lãi vay phải trả đã đến hạn và quá hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 với tổng giá trị là 3.277.758.502 ngàn VND. Vào ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Công ty đã có kế hoạch thanh toán khoản lãi vay trên.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lỗi lũy kế	Tổng cộng
					Ngân VND
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023					
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	9.274.679.470	(686.640)	279.895.303	(3.538.482.551)	6.015.405.582
Lỗi thuần trong kỳ	-	-	-	(101.914.619)	(101.914.619)
Chi thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát và Thư ký	-	-	-	(768.000)	(768.000)
Ngày 30 tháng 6 năm 2023	9.274.679.470	(686.640)	279.895.303	(3.641.165.170)	5.912.722.963
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024					
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	9.274.679.470	(686.640)	279.895.303	(3.398.978.774)	6.154.909.359
Tăng vốn trong kỳ (*)	1.300.000.000	-	-	-	1.300.000.000
Hoàn nhập quỹ đầu tư phát triển (**)	-	-	(279.895.303)	279.895.303	-
Lỗi thuần trong kỳ	-	-	-	(122.817.985)	(122.817.985)
Chi thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát và Thư ký	-	-	-	(1.536.000)	(1.536.000)
Ngày 30 tháng 6 năm 2024	10.574.679.470	(686.640)	-	(3.243.437.456)	7.330.555.374

(*) Vào ngày 23 tháng 4 năm 2024, Công ty đã hoàn tất đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ, theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông ngày 26 tháng 9 năm 2023 số 02/23/NQĐHĐCĐ-HAGL và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 09/24/NQHQĐT-HAGL ngày 19 tháng 4 năm 2024. Theo đó, Công ty phát hành thêm 130.000.000 cổ phiếu phổ thông với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu, tương đương vốn cổ phần tăng thêm là 1.300.000.000 ngân VND. Vào ngày 25 tháng 4 năm 2024, Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 33 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp phê duyệt tăng vốn cổ phần của Công ty lên 10.574.679.470 ngân VND.

(**) Theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông số 01/24/NQĐHĐCĐ-HAGL ngày 10 tháng 5 năm 2024, các cổ đông của Công ty đã thông qua việc hoàn nhập quỹ đầu tư phát triển vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty với giá trị là 279.895.303 ngân VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.2 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Cổ phiếu được phép phát hành	1.057.467.947	927.467.947
Cổ phiếu đã bán ra công chúng <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.057.467.947 1.057.467.947	927.467.947 927.467.947
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.057.399.283 1.057.399.283	927.399.283 927.399.283
Cổ phiếu quỹ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	68.664 68.664	68.664 68.664

Cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

Như được trình bày tại *Thuyết minh số 20*, một phần cổ phiếu phổ thông đã được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay trái phiếu của Công ty.

22. DOANH THU

22.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Doanh thu thuần	3.445.787	23.217.432
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	2.760.571	23.217.432
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	685.216	-
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu từ các bên thứ ba</i>	2.679.593	14.107.200
<i>Doanh thu từ các bên liên quan (TM số 28)</i>	766.194	9.110.232

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. DOANH THU (tiếp theo)

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Lãi cho vay và lãi tiền gửi ngân hàng	35.750.896	251.977.961
Cổ tức	30.228.603	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	22.615.600	504.600
Lãi do thanh lý các khoản đầu tư tài chính (TM số 13.3)	2.051.976	-
TỔNG CỘNG	90.647.075	252.482.561
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu từ các bên thứ ba	56.930.546	3.280.635
Doanh thu từ các bên liên quan (TM số 28)	33.716.529	249.201.926

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Giá vốn dịch vụ cung cấp	1.016.578	19.616.974
Giá vốn hàng hóa đã bán	685.216	-
TỔNG CỘNG	1.701.794	19.616.974

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Chi phí lãi vay	191.689.505	293.628.738
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái (Hoàn nhập dự phòng) dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	-	988
Khác	(13.705.787)	19.760.858
TỔNG CỘNG	177.983.718	313.493.388

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Chi phí bán hàng		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.277.209	1.018.990
Chi phí lương nhân viên	189.927	187.260
Chi phí bán hàng khác	270.984	745.008
	<u>1.738.120</u>	<u>1.951.258</u>
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí lương nhân viên	16.835.892	17.181.277
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.423.222	8.443.280
Chi phí khấu hao và hao mòn	2.408.473	2.178.606
Dự phòng	487.647	5.085.796
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	4.236.882	3.290.769
	<u>34.392.116</u>	<u>36.179.728</u>
TỔNG CỘNG	<u>36.130.236</u>	<u>38.130.986</u>

26. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Thu nhập khác		
Thu nhập khác	231.848	9.516
Chi phí khác		
Các khoản phạt	965.177	-
Lỗi từ thanh lý TSCĐ	-	2.876.470
Chi phí khác	167.634	2.882.806
	<u>1.132.811</u>	<u>5.759.276</u>
LỖ KHÁC	<u>(900.963)</u>	<u>(5.749.760)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	570.339
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	194.136	53.165
TỔNG CỘNG	194.136	623.504

27.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN phải trả được xác định dựa trên (lỗ tính thuế) thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại và kỳ trước. (Lỗ tính thuế) thu nhập chịu thuế khác với lỗ được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp giữa niên độ vì (lỗ tính thuế) thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu lỗ thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế:

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Tổng lỗ kế toán trước thuế	(122.623.849)	(101.291.115)
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí lãi vay không được khấu trừ (*)	102.109.479	-
Lãi suất ấn định	42.856.715	57.618.944
Thay đổi các khoản dự phòng	488	26.797.408
Lỗ thuế chưa ghi nhận tài sản thuế hoãn lại	-	13.311.875
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(970.680)	(265.825)
Thu nhập cổ tức	(30.228.603)	-
Các chi phí không được khấu trừ khác	1.098.410	6.680.407
Thu nhập chịu thuế ước tính trong kỳ hiện hành	(7.758.040)	2.851.694
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	570.339
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	28.062.353	65.230
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(27.976.398)	(549.614)
Thuế TNDN phải trả cuối kỳ (TM số 17)	85.955	85.955

(*) Theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP ngày 5 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết, đây là các khoản chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định không được trừ thuế TNDN ước tính bởi Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.2 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số khoản thuế TNDN hoãn lại phải trả với các biến động trong kỳ này và kỳ trước như sau:

	Ngàn VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động</i>	
	<i>tổng hợp giữa niên độ</i>		<i>kinh doanh tổng hợp giữa niên độ</i>	
	<i>Ngày 30</i>	<i>Ngày 31</i>	<i>Cho kỳ kế toán</i>	<i>Cho kỳ kế toán</i>
	<i>tháng 6</i>	<i>tháng 12</i>	<i>sáu tháng kết thúc</i>	<i>sáu tháng kết thúc</i>
	<i>năm 2024</i>	<i>năm 2023</i>	<i>ngày 30 tháng 6</i>	<i>ngày 30 tháng 6</i>
			<i>năm 2024</i>	<i>năm 2023</i>
Chênh lệch tỷ giá hối đoái từ đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(4.597.710)	(4.403.574)	(194.136)	(53.165)
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	(4.597.710)	(4.403.574)		
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			(194.136)	(53.165)

27.3 Lỗ thuế chuyển sang từ năm trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau kỳ phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 356.156.578 ngàn VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 348.398.538 ngàn VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	Đã chuyển lỗ đến		Chưa chuyển lỗ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024
			ngày 30 tháng 6 năm 2024	Không được chuyển lỗ	
2022	2027	348.398.538 (*)	-	-	348.398.538
2024	2029	7.758.040	-	-	7.758.040
TỔNG CỘNG		356.156.578	-	-	356.156.578

(*) Lỗ tính thuế được Công ty kê khai theo tờ khai thuế ngày 31 tháng 3 năm 2023, và chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ lỗ tính thuế chuyển sang các kỳ sau do chưa chắc chắn được thu nhập chịu thuế phát sinh trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Thể thao LPBank Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Kon Thụp	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Sản xuất Bột mì	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao Bolaven	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Hoàn Thịnh Attapeu	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Chế biến thức ăn gia súc Trà Bá	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty TNHH CN&NN Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Chế biến Thức ăn Gia súc Đông Gia Lai	Công ty liên quan của Giám đốc công ty con
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan của thành viên ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan của thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai - CN Nhà Máy Nhựa	Công ty liên quan của thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Dược Thú y Nasa	Công ty liên quan của thành viên HĐQT
Công ty TNHH Một Thành viên Bao bì Linh Khang	Công ty liên quan của thành viên ban Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Danh sách các bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Ông Đoàn Nguyên Đức Ông Võ Trường Sơn	Chủ tịch HĐQT Tổng Giám đốc (đến ngày 7 tháng 2 năm 2024) Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Tổng Giám đốc (từ ngày 7 tháng 2 năm 2024)
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh Ông Nguyễn Chí Thắng	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Giám đốc công ty con
Ông Trần Văn Dai Ông Bùi Lê Quang	Thành viên HĐQT độc lập Thành viên HĐQT (từ ngày 10 tháng 5 năm 2024)
Ông Nguyễn Tiến Hưng	Thành viên BKS (từ ngày 10 tháng 5 năm 2024)
Bà Hồ Thị Kim Chi Bà Đỗ Trần Thùy Trang	Phó Tổng giám đốc Trưởng BKS
Ông Lê Hồng Phong	Thành viên BKS (đến ngày 10 tháng 5 năm 2024)
Ông Phạm Ngọc Châu Bà Lê Trương Y Trâm	Thành viên BKS Kế toán trưởng
Bà Đoàn Thị Mai Phương	Thư ký Công ty kiêm Người phụ trách quản trị Công ty
Bà Hồ Thị Mỹ Loan Ông Trần Quang Dũng	Thư ký Công ty Phó Giám đốc công ty con
Ông Nguyễn Ngọc Mai Ông Lê Văn Thạch	Giám đốc công ty con Giám đốc công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Ngàn VND</i>	
			<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty con	Chuyển đổi khoản phải thu thành vốn góp	777.169.770	-
		Lãi cho vay	1.227.942	32.862.290
		Chi hộ	433.897	-
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.801	46.251
		Cho vay	-	28.000.000
		Mượn	-	266.329
Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Công ty con	Cho vay	700.000.000	2.000.000
		Lãi cho vay	10.717.499	27.093.872
		Chi hộ	2.000.000	19.012.924
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	732.070	7.375.437
		Mua hàng hóa và dịch vụ	520.693	1.650.335
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan của thành viên ban Tổng Giám đốc	Lãi trái phiếu	17.277.000	15.083.333
		Lãi cho vay	15.808.753	20.567.003
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty con	Cho vay	244.556.333	-
		Lãi cho vay	5.962.335	35.842.305
		Chi hộ	390.204	314.300
		Mua hàng hóa và dịch vụ	51.000	-
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	32.323	-
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty con	Tặng khoản đầu tư	-	3.450.326.000
		Lãi cho vay	-	132.836.456

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngân VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (TM số 5)				
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	4.761.899	4.762.907
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	3.348.684	3.345.741
Công ty Cổ phần Thể thao LPBank Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	2.865.320	2.865.321
Công ty TNHH Hưng Thịnh Lợi Gia Lai	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	74.110	2.649.186
Các công ty khác	Bên liên quan	Khác	812.653	1.241.296
			11.862.666	14.864.451
Trả trước cho người bán ngắn hạn (TM số 6)				
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con	Ứng trước mua hàng hóa	286.841.877	286.841.877
Công ty TNHH Hưng Thịnh Lợi Gia Lai	Công ty con	Ứng trước mua hàng hóa	24.480.281	24.675.820
			311.322.158	311.517.697
Phải thu về cho vay ngắn hạn (TM số 7) (*)				
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Cho vay	984.698.038	984.698.038
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty con	Cho vay	-	626.740.018
Công ty TNHH Dịch vụ Nông Nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan của thành viên ban Tổng Giám đốc	Cho vay	398.797.080	398.797.080
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Cho vay	117.935.115	112.597.142
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty con	Cho vay	61.722.674	61.722.674
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con	Cho vay	49.900.701	49.900.701
Công ty TNHH Hưng Thịnh Lợi Gia Lai	Công ty con	Cho vay	-	16.670.684

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Phải thu về cho vay ngắn hạn (TM số 7) (*) (tiếp theo)				
Công ty TNHH CN&NN Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Cho vay	17.538.056	16.744.250
			1.630.591.664	2.267.870.587

(*) Khoản này thể hiện khoản cho các bên liên quan vay tín chấp với thời hạn hoàn trả từ năm 2024 đến năm 2029 và hưởng lãi suất 7,95%/năm, nhằm mục đích tái cơ cấu các khoản nợ trong các công ty này.

Phải thu về cho vay dài hạn (TM số 7)

Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Công ty con	Cho vay	705.000.000	5.000.000
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty con	Cho vay	244.556.333	-
			949.556.333	5.000.000

Các khoản cho các bên liên quan vay ngắn hạn và dài hạn đã được phê duyệt tại các kỳ họp Đại Hội đồng Cổ đông, phù hợp với các điều khoản và quy định liên quan đến việc cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các cổ đông và những người có liên quan theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngân VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Phải thu ngắn hạn khác (TM số 8)				
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con	Chi trả hộ Lãi cho vay Khác	592.073.999 30.201.955 -	582.325.537 28.223.836 56.434
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên qua Công ty liên quan của thành viên ban Tổng Giám đốc	Chi trả hộ Lãi cho vay	196.847.181 37.643.857	196.847.181 100.428.011
Công ty Cổ phần Chế biến thức ăn Gia súc Trà Bá	Công ty con	Chi trả hộ	141.346.241	141.346.241
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty con	Chi trả hộ Lãi cho vay	118.521.271 1.227.942	386.500.732 147.444.851
Công ty TNHH Sản xuất Bột mì	Công ty con	Chi trả hộ	102.138.817	96.330.549
Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Công ty con	Chi trả hộ Lãi cho vay	197.676.554 -	207.436.057 123.917.035
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty con	Lãi cho vay Khác	45.677.422 1.229.333	143.653.668 1.345.345
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay	Công ty con	Chi trả hộ	43.168.469	42.698.900
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con của Công có cùng thành viên HĐQT	Lãi cho vay	11.158.963	10.653.887
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty con	Chi trả hộ	10.220.700	-
Các công ty khác	Bên liên quan	Khác	2.779.853	5.850.117
			1.531.912.557	2.215.058.381
Phải thu dài hạn khác (TM số 8)				
Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay	10.384.493	88.192
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty con	Lãi cho vay	3.515.581	-
			13.900.074	88.192

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Phải trả người bán ngắn hạn (TM số 15)				
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con	Mua hàng hóa	15.503.068	15.503.068
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa	8.982.932	8.982.932
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan của thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	436.516	6.836.392
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan của thành viên ban Tổng Giám đốc	Mua hàng hóa	2.699.175	2.699.175
Công ty TNHH Hưng Thịnh Lợi Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa	938.953	2.565.474
Các công ty khác	Bên liên quan	Mua hàng hóa	68.660	192.040
			28.629.304	36.779.081
Người mua trả tiền trước ngắn hạn (TM số 16)				
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty con	Tạm ứng mua hàng hóa và dịch vụ	8.640.087	8.640.087
Công ty TNHH Hưng Thịnh Lợi Gia Lai	Công ty con	Tạm ứng mua hàng hóa và dịch vụ	405.931	-
			9.046.018	8.640.087

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Phải trả ngắn hạn khác (TM số 19)				
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty con	Mượn	311.783.260	313.783.260
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Công ty con	Thu hộ	22.769.750	22.769.750
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty con	Thu hộ	5.737.000	5.737.000
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Thu hộ	715.275	715.275
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan của thành viên HĐQT	Thu hộ	249.875	39.720
Các công ty khác	Bên liên quan	Khác	1.282.705	13.396.900
			342.537.865	356.441.905

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Ban Thư ký trong kỳ như sau:

Tên	Chức vụ	Ngàn VND	
		Thu nhập (*)	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	1.245.336	1.251.264
Ông Võ Trường Sơn	Thành viên HĐQT	1.037.829	941.168
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	725.111	709.201
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc	630.351	468.616
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Tổng Giám đốc	566.815	-
Bà Đỗ Trần Thùy Trang	Trưởng Ban Kiểm soát	366.026	338.380
Ông Trần Văn Dai	Thành viên HĐQT độc lập	162.000	81.000
Ông Phạm Ngọc Châu	Thành viên Ban Kiểm soát	108.000	54.000
Ông Nguyễn Chí Thắng	Thành viên HĐQT	108.000	13.500
Ông Lê Hồng Phong	Thành viên Ban Kiểm soát	72.000	54.000
Ông Bùi Lê Quang	Thành viên HĐQT	54.000	-
Ông Nguyễn Tiến Hưng	Thành viên Ban Kiểm soát	36.000	-
Các cá nhân khác		422.495	413.149
TỔNG CỘNG		5.533.963	4.324.278

(*) Bao gồm tiền lương và/hoặc các khoản thù lao khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty thuê các lô đất tại Việt Nam để xây dựng nhà xưởng. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty ước tính số tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai cho các lô đất thuê này theo các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Dưới 1 năm	1.301.822	1.483.313
Từ 1 đến 5 năm	5.853.689	6.028.234
Trên 5 năm	29.774.702	30.423.830
TỔNG CỘNG	<u>36.930.213</u>	<u>37.935.377</u>

Cam kết bảo lãnh

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty đang dùng 64.375.000 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty để đảm bảo cho các khoản vay của HNG.

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 16/24/NQHĐQT-HAGL ngày 17 tháng 7 năm 2024, nhằm mục đích đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ tín dụng của Chăn nuôi Gia Lai, công ty con trong Tập đoàn, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Lộc Phát Việt Nam với hạn mức tín dụng 1.050.000.000 ngàn VND, Công ty đã cầm cố 165.750.000 cổ phần trong Chăn nuôi Gia Lai và cam kết bảo lãnh toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của Chăn nuôi Gia Lai phát sinh từ các Hợp đồng tín dụng trong hạn mức nêu trên.

Ngoài ra, theo Hợp đồng tín dụng số 01/2015/7694660/HĐTD ký ngày 24 tháng 9 năm 2015 và Hợp đồng tín dụng số 01/2018/7694660/HĐTD ký ngày 2 tháng 10 năm 2018 giữa Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Bá Thước ("Bá Thước") và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa ("BIDV Thanh Hóa"), Công ty đã cam kết bảo lãnh cho Bá Thước vay vốn tại BIDV Thanh Hóa theo Thư bảo lãnh vay vốn số 0109/CV-BLHAGL ký ngày 1 tháng 9 năm 2015 với tổng dư nợ gốc là 160.000.000 ngàn VND cùng toàn bộ lãi, phí và phạt phát sinh (nếu có).

30. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Nợ khó đòi đã xử lý		
- Công ty Cổ phần Thể Thao LPBank Hoàng Anh Gia Lai	444.052.578	444.052.578
- Công ty TNHH MTV Xây Lắp Điện	6.992.216	6.992.216
- Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh GL - Kontum	3.720.000	3.720.000
TỔNG CỘNG	<u>454.764.794</u>	<u>454.764.794</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty.



Phạm Thị Thu Hà
Người lập



Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Thắng
Tổng Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

